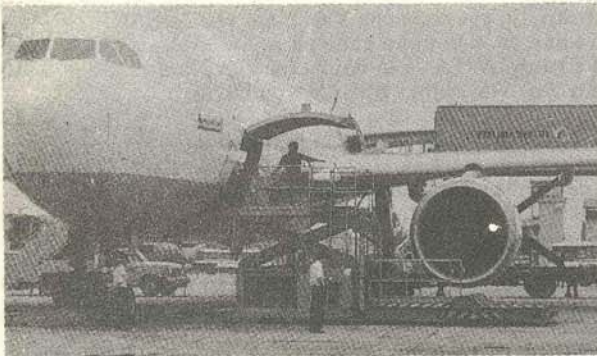


TOÀN CẦU HÓA, KHU VỰC HÓA VÀ QUAN HỆ KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

PTS. ĐINH SƠN HÙNG & NGUYỄN THỊ DUNG



I. TOÀN CẦU HÓA, KHU VỰC HÓA LÀ XU HƯỚNG VẬN ĐỘNG CỦA THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI

1. Toàn cầu hóa

Toàn cầu hóa được hiểu như một quá trình loại trừ dần tình trạng khép kín, biệt lập giữa các quốc gia, đưa đến sự chuyển hóa lẫn nhau trong môi trường quốc tế mà ở đó mỗi nước đều có những vị trí nhất định của quá trình hình thành, xác lập những quan hệ và ứng xử cộng đồng; những tiêu chí và luật lệ, cơ chế và trật tự cộng đồng. Xu hướng này thể hiện ra trên các mặt của đời sống thế giới: chính trị, kinh tế, thông tin, văn hóa, thể thao...

Có thể nói rằng xu hướng toàn cầu hóa đã xuất hiện từ cuối thế kỷ XV đầu thế kỷ XVI, khi mà cơ học, địa lý học, thiên văn học và hải dương học đạt được trình độ phát triển mới. Đồng thời với sự phát triển của kinh tế hàng hóa, trong nhiều quốc gia, thị trường nội địa được mở rộng và thống nhất; công cuộc đi tìm những miền "đất hứa" nở rộ. Và cùng với thời gian, lực lượng sản xuất càng phát triển; năng suất lao động càng cao, vốn tích lũy càng lớn; khoa học - công nghệ càng phát triển; những phương tiện giao thông, liên lạc mới, hiện đại xuất hiện càng nhiều; nhu cầu mở mang, sản xuất và thị trường càng lớn thì xu hướng toàn cầu hóa càng gia tăng như một tất yếu khách quan.

2 PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Về phương diện kinh tế và gắn liền với nó là khoa học - công nghệ, tính toàn cầu hóa được biểu hiện nổi bật trên mấy khía cạnh sau:

- Sự phân công lao động, hợp tác quốc tế ngày càng trở nên sâu sắc và chặt chẽ. Do vậy lực lượng lao động của mỗi quốc gia trở thành một mắt khâu trong hệ thống phân công lao động và hợp tác quốc tế. Thể hiện tập trung của vấn đề này là chỗ nhiều sản phẩm với các bộ phận, cấu kiện được sản xuất ra ở nhiều nước khác nhau. Ví dụ Boeing có tới 650 công ty đặt ở 30 nước; hoặc 37.000 công ty xuyên quốc gia với 206.000 chi nhánh trên nhiều nước... Điều đó cho thấy rằng phân công lao động và hợp tác quốc tế sâu rộng đã đưa đến kết quả là lao động của nhiều nước cùng tham gia vào việc sản xuất ra một loại hàng hóa đồng nhất.

- Sự phụ thuộc lẫn nhau giữa nền kinh tế các nước ngày càng gia tăng. Cuộc khủng hoảng dầu lửa đầu những năm 70 là bằng chứng điển hình của sự phụ thuộc này; việc các nước xuất khẩu dầu lửa tăng giá dầu đột biến đã làm cho nền kinh tế thế giới, đặc biệt là kinh tế các nước công nghiệp chao đảo. Rõ ràng càng ngày thị trường mỗi nước càng thực sự tồn tại với tính chất vừa là thị trường đầu ra, vừa là thị trường đầu vào của nền kinh tế toàn cầu. Và ngược lại, thị trường thế giới cũng tồn tại với vị trí là thị trường đầu ra, thị trường đầu vào của nền kinh tế mỗi nước. Do vậy bất luận sự biến động nào của kinh tế và thị trường thế giới cũng gây nên xung động ở mức độ khác nhau đối với nền kinh tế mỗi nước.

- Giao lưu vốn, tài chính tiền tệ, hàng hóa giữa các nước ngày một gia tăng. Theo một số tính toán, đến năm 1914 vốn đầu tư ra nước ngoài lên tới 44 tỷ USD thì năm 1994 tổng vốn đầu tư nước ngoài đạt 2.125 tỷ USD, trong đó các nước công nghiệp phát triển đầu tư ra nước ngoài 109 tỷ USD, đồng thời nhận về 181 tỷ USD. Chính tốc độ phát triển nhanh của đầu tư ngoài nước đã tạo nên "mạng nối" của sự dịch chuyển vốn đan xen giữa các quốc gia.

Về tài chính tiền tệ, khi hệ thống Bretton Woods ra đời, đồng đôla Mỹ được sử dụng như một công cụ tài chính tiền tệ chung thay cho bản vị vàng. Và đến năm 1992, giao lưu tài chính tiền tệ trên thế giới đạt 43.000 tỷ USD, nghĩa là gấp 12 lần giá trị hàng hóa trao đổi. Như vậy càng ngày tốc độ giao lưu tài chính tiền tệ trên thế giới càng sôi động hơn so với hàng hóa.

Trong lĩnh vực thương mại, từ khi GATT ra đời, buôn bán quốc tế tăng mạnh, trội hơn hẳn sản xuất vật chất. Nếu như tốc độ tăng trưởng của kinh tế thế giới 3 thập niên qua giao động ở mức 2 - 3%/năm thì buôn bán quốc tế tăng 8%/năm, nghĩa là buôn bán quốc tế tăng nhanh hơn 3-4 lần tốc độ tăng trưởng kinh tế.

- Cùng với sự hình thành tiêu chuẩn về chi phí sản xuất, giá cả quốc tế thì cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội cũng mang tính quốc tế hóa. Ví dụ như các phương tiện giao thông vận tải đều có tiêu chuẩn kỹ thuật, hệ thống luật lệ; giáo dục đào tạo... cũng theo tiêu chuẩn đã được quốc tế hóa.

- Hoạt động và tiến bộ khoa học - công nghệ ngày càng mang tính toàn cầu. Thời đại ng` nay được mệnh danh là thời đại của tiến bộ khoa học - công nghệ. Sự phát triển vũ bão của khoa học - công nghệ không chỉ làm thay đổi nhanh chóng chất lượng của nền kinh tế thế giới mà đồng thời còn mở ra những quan hệ mới, đa dạng của kinh tế thế giới. Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ một mặt đang tạo ra những điều kiện mới chưa hề có trong cạnh tranh quốc tế; mặt khác trong một thế giới cạnh tranh gay gắt, nếu dân tộc nào không bắt kịp trào lưu chung của thời đại, sẽ có nguy cơ thua cuộc.

Lịch sử luôn ghi tên những nhà khoa học, nhà phát minh lỗi lạc. Nhưng rõ ràng cách mạng khoa học - công nghệ là một tiến trình có phạm vi quốc tế. Tính quốc tế

được biểu hiện trước hết ở chỗ, trong mọi thành tựu của khoa học - công nghệ đều bao gồm tất cả những kiến thức mà nhân loại đã tích lũy và gom góp được.

Tính quốc tế của cách mạng khoa học - công nghệ còn biểu hiện ở chỗ trước đây nó phát sinh và phát triển mạnh mẽ ở những nước kinh tế phát triển, thì ngày nay nó đang kéo vào quỹ đạo của mình toàn bộ thế giới còn lại.

2. Khu vực hóa

Xét về quy mô, khu vực hóa diễn ra trong phạm vi hẹp hơn quốc tế hóa. Trong kinh tế, khu vực hóa biểu hiện sự phân công, liên kết sản xuất kinh doanh giữa các nước trong khu vực; xóa dần chế độ bảo hộ... để đối phó với sự cạnh tranh và xu hướng bảo hộ của các khu vực khác; nâng cao vị trí của khu vực cũng như từng nước trong khu vực trên trường quốc tế; thiết lập các vùng kinh tế liên quốc gia để khai thác lợi thế từng nước và toàn khu vực.

Khu vực hóa được thể hiện ở 3 tầng nấc: "đại khu vực", "tiểu khu vực" và liên quốc gia như: EU, NAFTA, MERCOSUR, ECO, SPF... Hiện nay, đồng thời với xu hướng toàn cầu hóa, là sự phát triển mạnh mẽ của xu hướng khu vực hóa.

Tóm lại, thế giới ngày nay đang diễn ra những biến đổi nhanh chóng và mau lẹ, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế, khoa học - công nghệ với xu hướng toàn cầu hóa và khu vực hóa ngày càng mạnh mẽ. Vì vậy không một quốc gia nào có thể tồn tại và phát triển, được trong sự cô lập, khép kín với thế giới bên ngoài.

II. MỘT VÀI NÉT VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐỐI NGOẠI CỦA NƯỚC TA

Khi mà toàn cầu hóa, khu vực hóa đã trở thành hai xu hướng lớn trong sự vận động và phát triển của kinh tế thế giới thì vấn đề đặt ra không phải để trả lời cho câu hỏi: nên hay không nên mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại? Mà toàn bộ nghiên cứu cũng như việc hoạch định chiến lược, chính sách là để trả lời cho câu hỏi: mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại thế nào để đạt hiệu quả cao nhất?

Quan hệ kinh tế đối ngoại thực hiện với nhiều hình thức đa dạng và phong phú như ngoại thương; hợp tác đầu tư nước ngoài (bao gồm cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp), hợp tác về khoa học công nghệ, hợp tác tín dụng, du lịch, dịch vụ...

Ở nước ta, hai hình thức được quan tâm nhất đó là ngoại thương và hợp tác đầu tư với nước ngoài.

Về ngoại thương, theo số liệu thống kê ở 80 nước đang phát triển là thành viên của Quỹ tiền tệ quốc tế cho thấy, trong cán cân thanh toán quốc tế thì ngoại thương chiếm 60 - 70% tổng các nguồn thu và 2/3 tổng các nguồn chi. Số liệu đó chỉ rõ, ngoại thương giữ vị trí quan trọng hàng đầu trong quan hệ kinh tế đối ngoại. Đối với nước ta từ năm 1986 đến nay, quan hệ kinh tế đối ngoại nói chung, ngoại thương nói riêng phát triển nhanh, mở rộng về quy mô, hình thức và góp phần quan trọng vào việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội. Về cân đối xuất nhập khẩu:

1976 - 1980	Xuất	1	Nhập	4
1981 - 1985		1		2,8
1989		1		1,3
1990		1		1,1

Đồng thời với giảm nhập siêu, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng năm đều gia tăng, năm 1994, kim ngạch xuất khẩu đạt 3,6 tỷ USD, tăng 20,8% so với 1993 và nhập khẩu đạt 4,5 tỷ USD. Như vậy nếu so với 1990 thì lưu lượng hàng hóa xuất khẩu tăng 3 lần, nhập khẩu tăng hơn 2 lần. Tuy vậy, xuất khẩu vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu nhập khẩu và trả nợ; thị trường mở ra còn chậm chạp và bấp bênh; các mặt hàng xuất khẩu vẫn chủ yếu là hàng

sơ chế và nguyên liệu thô; chưa có những mặt hàng hàm lượng công nghệ và chất xám cao. Mặt khác, hàng công nghiệp xuất khẩu tính theo đầu người còn rất thấp, mới đạt 5 USD/người năm 1993. Con số tương ứng của Indonesia là 40 USD, Sri Lanka 79 USD.

Về hợp tác đầu tư với nước ngoài: Từ khi luật đầu tư nước ngoài được ban hành, vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào VN không ngừng tăng lên hàng năm, cụ thể là:

Năm	Vốn đầu tư đăng ký (triệu USD)	Vốn đầu tư thực hiện (triệu USD)
1991	1.388	260
1992	2.117	463
1993	2.887	1.080
1994	4.071	1.500
1995 (dự kiến)	8.000	2.500

Đến giữa tháng 7.1995, không kể các dự án đầu tư ra nước ngoài, rút giấy phép và hết hạn hoạt động, các dự án đang hoạt động là 1.216 với tổng vốn đầu tư: 15.226.807.842 USD. Nếu so sánh với nguồn vốn đầu tư trong nước thì nguồn vốn đầu tư nước ngoài có xu hướng gia tăng nhanh hơn. Dù vậy vẫn còn quá ít so với yêu cầu phát triển kinh tế của đất nước.

Đối với nguồn vốn từ nước ngoài thông qua vay tín dụng ưu đãi và viện trợ không hoàn lại thì chưa nhiều. Tuy thế khả năng "hấp thụ" lại rất hạn chế. Đó là nghịch lý, ví dụ năm 1994, vốn ODA là 1,86 tỷ USD chỉ mới giải ngân được chưa đến một nửa.

Như vậy cùng với việc nối lại quan hệ với các tổ chức tài chính quốc tế, từ 1991 đến 1994 vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào VN tăng gần như nhau, thì 6 tháng đầu năm 1995 tốc độ tăng cao hơn nhiều, gấp 3 lần 6 tháng đầu năm 1994, bằng cả năm 1994. Đồng thời nếu như vốn đầu tư bình quân 1 dự án năm đầu là 7 triệu USD và tăng lên 10 - 11 triệu USD vào năm 1992 - 1993, thì 6 tháng đầu năm 1995 con số là gần 20 triệu USD.

Qua đó cho thấy dù là ở giai đoạn ban đầu, nhưng nền kinh tế nước ta cũng đang vận động theo xu hướng chung của kinh tế thế giới là toàn cầu hóa và khu vực hóa. Và trong xu hướng chung đó của thế giới, từ thời điểm này những cơ hội và thách thức mới lại xuất hiện, gia tăng. Đó là bên ngoài thì thiết lập quan hệ ngoại giao với Mỹ, trở thành thành viên chính thức của ASEAN; ký hiệp định chung với EU; là việc hợp tác ngày càng sâu rộng hơn và cạnh tranh cũng gay gắt hơn. Còn bên trong là những thành tựu đã đạt được, tạo tiền đề cho sự phát triển nhanh hơn, nhưng cũng còn nhiều vấn đề phức tạp đang đòi hỏi phải gấp rút nỗ lực giải quyết.

Bài viết này không bàn đến định hướng hay những biện pháp cho sự hội nhập của kinh tế đất nước vào xu hướng toàn cầu hóa và khu vực hóa của kinh tế thế giới. Tuy vậy lời kết luận sau đây cũng sẽ phần nào nói về điều đó.

Ngày nay cuộc chiến tranh giữa các quốc gia là cuộc chiến trên các lĩnh vực kinh tế, thương mại, công nghệ và thông tin, mà quốc gia bại trận là quốc gia ngày càng tụt hậu hơn, nghèo đói hơn trong sự chuyển động đột biến của kinh tế toàn cầu. Vì vậy, mỗi quốc gia vừa đứng trước những cơ hội lớn của sự phát triển, vừa chịu những áp lực mang tính thách thức gay gắt. Do đó nếu quốc gia nào tiếp thu được những bài học quý giá của thị trường; biết thích nghi; luôn tự đổi mới; tạo ra được một nguồn nhân lực dựa trên trí tuệ; có hệ thống thông tin hiệu quả; một cơ cấu tài chính - tiền tệ linh hoạt; một đội ngũ công chức và các nhà doanh nghiệp "vừa hồng vừa chuyên" thì mới có cơ hội thành công.